TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:307/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 17 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 481/2026/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 06 năm 2026, về việc : "*Xin ly hôn, nuôi con chung*" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mộng S, sinh ngày 22/12/1979

Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Gia Lai (nay là thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai)

Bị đơn: Thái Lập K, sinh ngày 27/101975

Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Gia Lai (nay là thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 07 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 07 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mộng S, sinh ngày 22/12/1979, Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai với anh Thái Lập K, sinh ngày 27/101975; Địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ nuôi con chung: Chị S và anh K có 03 con chung tên là Thái Quốc H, sinh ngày 16/12/1997, Thái Quốc H1, sinh ngày 20/5/1999, Thái Thanh H2, sinh ngày 23/11/2008, hiện đang ở cùng chị S. Riêng cháu H và cháu H1 đã trưởng thành,

chị S, anh K không yêu cầu giải quyết nên Toà không xét. Chị S và anh K thống nhất giao cháu H2 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nên Toà không xét. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

-Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh K thống nhất tự thoản thuận về tài sản chung. Phần nợ chung: Không có nợ chung nên Toà không xét.

-Về án phí HGT: Chị S tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn nộp vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0006800, ngày 23/06/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2- Gia Lai được khấu trừ vào án phí. H3 lại cho chị S 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các bên đương sự;
-VKSND Khu vực 2- Gia Lai ;
-Phòng THADS Khu vực 2- tỉnh Gia Lai ;
-Phòng TT- KTNV- THAHS TAND tỉnh Gia Lai
-UBND xã Tuy Phước Bắc(Phước Hưng
Số 39, ngày 18/6/2001)
-Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bích Thủy